

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2017/DS - ST

Ngày: 19-01-2017

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

2. Ông Nguyễn Đức Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tinh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 325/2016/TLST-DS ngày 22/11/2016 về việc “tranh chấp kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Một thành viên xe máy T; địa chỉ: A11/3, khu phố X, phường Y, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật bà Lê Thị N, sinh năm 1970; địa chỉ: Số B2/7B, M, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1972 - Chủ doanh nghiệp tư nhân T; địa chỉ: Số 16/21, khu phố A, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Trọng H, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Đội 2, thôn P, xã N, huyện TX, tỉnh TH; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ bà P, số nhà 36, ấp 2, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2016, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Vào ngày 13/8/2015 Công ty TNHH một thành viên xe máy T (gọi tắt là Công ty T) và ông Lê Trọng H ký giấy thỏa thuận có nội dung: Công ty T bán cho ông Lê Trọng H 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision, màu sơn đỏ, số khung 5806EY223088; số máy JF58E0222015; trị giá 47.500.000 đồng; ông H trả trước cho Công ty T số tiền 8.000.000 đồng và hẹn tháng sau góp 5.000.000 đồng để lấy biển số xe; số tiền còn lại ông H phải trả góp trong vòng 13 tháng; nếu ông H không thực hiện nghĩa vụ đúng

nếu thỏa thuận thì bên bán có quyền lấy lại xe mà không hoàn trả lại bất kỳ một khoản tiền nào bao gồm tiền đưa trước và tiền góp hàng tháng, số tiền đó được trừ vào tiền khấu hao; bên mua chưa trả hết tiền cho bên bán thì nghiêm cấm mọi hành vi cầm cố, thế chấp, trao đổi, mua bán chiếc xe nêu trên. Sau khi ký thỏa thuận, ngày 21/8/2015 Công ty T đã làm thủ tục đăng ký xe cho ông Lê Trọng H đứng tên chủ sở hữu, nhưng cà vẹt xe do Công ty T lưu giữ cho đến khi ông H thanh toán xong tiền sẽ giao cho ông H. Tuy nhiên, tính đến nay đã hết thời hạn 13 tháng, nhưng ông H không trả số tiền còn lại cho Công ty T là 34.500.000 đồng. Nhiều lần Công ty T tìm ông H yêu cầu thanh toán tiền, nhưng không tìm được vì ông H tắt máy điện thoại, chuyển chỗ ở khác. Qua xác minh thì Công ty T được biết vào ngày 26/8/2016 ông H đã cầm cố chiếc xe nêu trên cho tiệm vàng cầm đồ của ông Đ tại địa chỉ Số 16/21, khu phố A, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nay, nguyên đơn xác định chiếc xe ông H mua trả góp của Công ty T đang được cầm cố tại tiệm vàng cầm đồ của ông Đ vẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty T vì ông H vi phạm nghĩa vụ trả tiền và đồng ý giao liên 2 cho Công ty T đi chuộc xe. Do ông Đ không trả xe nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc ông Đ trả xe cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn ông Phạm Văn Đ - Chủ doanh nghiệp tư nhân T trình bày:

Ông không đồng ý trả xe theo đơn khởi kiện của Công ty T vì giữa ông và Công ty T không có thực hiện bất cứ một giao dịch nào. Nếu ông còn giữ xe thì ông chỉ đồng ý trả xe cho ông H vì ông chỉ ký hợp đồng nhận cầm đồ xe cho người đứng tên chủ sở hữu là ông H. Tuy nhiên, hiện nay ông H đã đến tiệm của ông lấy xe (ông H có ký vào hợp đồng cầm đồ là đã lấy rồi) nên Công ty T kiện ông là không đúng đối tượng mà phải kiện đòi xe từ ông H mới phù hợp theo quy định của pháp luật.

Ông Đ không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trọng H trình bày:

Ông thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, nội dung của giấy thỏa thuận mua bán xe gắn máy trả góp ngày 13/8/2015 giữa Công ty T và ông. Sau khi ký thỏa thuận, ông mới thanh toán cho Công ty T số tiền 13.000.000 đồng rồi ngưng không thanh toán. Ngày 26/8/2016 ông đã mang xe mua trả góp của Công ty T cầm cho tiệm vàng cầm đồ của ông Đ để lấy số tiền 11.000.000 đồng. Nay, ông Đ cho rằng ông Đ đã trả xe cho ông là không đúng vì tờ liên 2 do bà N là người đại diện của Công ty T đang giữ nên ông không thể đến lấy được xe và qua liên hệ bằng điện thoại thì ông được biết là ông Đ đã bán xe qua Campuchia. Ông thừa nhận chữ ký và chữ viết “đã lấy rồi” trong hợp đồng cầm đồ ngày 26/8/2016 là của ông, nhưng ông ký để nhận 01 chiếc xe khác, không phải chiếc xe đang tranh chấp trong vụ án này (hợp đồng cầm cố chiếc xe này ông đã bỏ đi vì nghĩ không cần thiết). Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc ông Đ trả xe, ông đồng ý. Trường hợp, Tòa án buộc ông Đ phải trả xe thì ông yêu cầu được căn trừ số tiền 11.000.000 đồng mà ông đã cầm cố cho ông Đ vào số tiền 13.000.000 đồng mà ông đã trả cho Công ty T.

Ông H không có yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn, bị đơn và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Bị đơn Phạm Văn Đ - Chủ doanh nghiệp tư nhân T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trọng H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và ông H.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự trình bày thống nhất như sau:

Vào ngày 13/8/2015 Công ty TNHH một thành viên xe máy T và ông Lê Trọng H ký giấy thỏa thuận có nội dung: Ông Lê Trọng H mua trả góp của Công ty T 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision, màu sơn đỏ, số khung 5806EY223088; số máy JF58E0222015; trị giá 47.500.000 đồng; ông H trả trước cho Công ty T số tiền 8.000.000 đồng và hẹn tháng sau góp 5.000.000 đồng để lấy biển số xe; số tiền còn lại ông H phải trả góp trong vòng 13 tháng; ngày 21/8/2015 Công ty T đã giao xe cho ông H và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký xe do ông H đứng tên; tính đến nay ông H mới trả góp cho Công ty T được 13.000.000 đồng rồi ngưng không thanh toán; ngày 26/8/2016 ông H đã mang xe cầm tại tiệm vàng cầm đồ của ông Đ để lấy số tiền 11.000.000 đồng; ông H thừa nhận chữ ký và chữ viết “đã lấy rồi” trong hợp đồng cầm đồ ngày 26/8/2016 là của ông. Xét, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng xuất phát từ quan hệ mua bán trả góp giữa Công ty T với ông H, sau đó ông H vi phạm thỏa thuận, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp hàng tháng cho Công ty T mà lại mang xe đi cầm cho tiệm vàng cầm đồ của ông Đ; hiện nay nguyên đơn đang giữ tờ liên 2 (được ký kết giữa ông Đ và ông H về việc cầm cố chiếc xe) nên nguyên đơn xác định chiếc xe bán trả góp cho ông H vẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty T. Do nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả xe, nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu kiện đòi buộc bị đơn trả xe.

Xét thấy, tại Khoản 2 Điều 439 Bộ luật dân sự quy định “đối với tài sản mua bán mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì quyền sở hữu được chuyển cho bên mua kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản đó”. Như vậy, ngày 21/8/2015 Công ty T đã giao xe cho ông H và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký xe do ông H đứng tên thì ông H đã là chủ sở hữu đối với chiếc xe này. Tại Khoản 1 Điều 461 Bộ luật dân sự quy định “Các bên có thể thỏa thuận về việc bên mua trả chậm hoặc trả dần tiền mua trong một thời hạn sau khi nhận vật mua; bên

bán được bảo lưu quyền sở hữu của mình đối với vật bán cho đến khi bên mua trả đủ tiền”. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng minh là chiếc xe này đã được nguyên đơn đăng ký quyền sở hữu do Công ty T đứng tên theo quy định tại Điều 167 Bộ luật dân sự; trong khi đó giấy đăng ký xe lại thể hiện nội dung đăng ký lần đầu ngày 21/8/2015 do ông Lê Trọng H đứng tên nên về mặt pháp lý thì đến thời điểm này ông H vẫn là chủ sở hữu, chỉ khi nào các bên đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên hoàn tất thì khi đó mới chuyển quyền sở hữu cho người khác hoặc được xác định bởi một bản án đã có hiệu lực pháp luật về việc tranh chấp hợp đồng mua bán giữa Công ty T và ông H. Như vậy, nguyên đơn căn cứ vào thỏa thuận mua bán xe trả góp và tờ liên 2 mà cho rằng chiếc xe đang tranh chấp trong vụ án này thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn là không có căn cứ. Mặt khác, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận giữa hai bên từ trước đến nay không có bất cứ quan hệ, giao dịch nào và bị đơn có ý kiến chỉ đồng ý trả xe cho ông H là người đứng tên trên giấy đăng ký xe và cũng là người trực tiếp mang cầm chiếc xe cho bị đơn để lấy số tiền 11.000.000 đồng và hiện nay bị đơn đã trả xe cho người cầm xe là ông Lê Trọng H (bị đơn không nhớ ngày tháng trả xe), nhưng bị đơn cung cấp cho Tòa án 01 hợp đồng cầm đồ ngày 26/8/2016 có chữ ký và chữ viết “đã lấy rồi” của ông Lê Trọng H. Tại biên bản đối chất ngày 19/12/2016 ông H thừa nhận chữ ký và chữ viết “đã lấy rồi” là của ông, nhưng ông ký để nhận một chiếc xe khác (hợp đồng cầm xe đối với chiếc xe này ông đã bỏ đi vì nghĩ không cần thiết), việc ông chưa lấy xe được thể hiện qua cuộc nói chuyện mà ông tự ghi âm bằng điện thoại tại tiệm vàng cầm đồ của ông Đ, chứng cứ này ông sẽ cung cấp cho Tòa án trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày 19/12/2016. Tuy nhiên, đến nay ông H không cung cấp chứng cứ này cho Tòa án và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Hơn nữa, vào ngày 05/01/2017 Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương cùng sự chứng kiến của bà N, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đến xác minh tại tiệm vàng cầm đồ của ông Đ thì kết quả không tìm thấy chiếc xe nêu trên. Do đó, không có đủ căn cứ xác định hiện nay ông Đ vẫn là người đang quản lý xe để tuyên buộc ông Đ trả xe theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại giấy thỏa thuận mua bán xe trả góp được ký kết giữa Công ty T với ông Lê Trọng H ngày 13/8/2015 có nội dung thể hiện rõ “... nếu ông H không thực hiện nghĩa vụ đúng như thỏa thuận thì bên bán có quyền lấy lại xe mà không hoàn trả lại bất kỳ một khoản tiền nào bao gồm tiền đưa trước và tiền góp hàng tháng, số tiền đó được trừ vào tiền khấu hao; bên mua chưa trả hết tiền cho bên bán thì nghiêm cấm mọi hành vi cầm cố, thế chấp, trao đổi, mua bán chiếc xe nêu trên...”. Do ông H chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền mà lại mang xe đi cầm cố cho người khác là đã vi phạm hợp đồng nên Công ty T có quyền khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng mua bán đối với ông H. Tuy nhiên, quá trình tố tụng Tòa án đã nhiều lần giải thích cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn không có yêu cầu gì đối với ông H nên không có căn cứ để Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Phạm Văn Đ – Chủ doanh nghiệp tư nhân T trả chiếc xe hiệu Honda Vision, màu sơn đỏ, số khung 5806EY223088; số máy JF58E0222015 do ông Lê Trọng H đứng tên trên giấy đăng ký xe và tuyên vô hiệu đối với hợp đồng cầm đồ số 0986108206 ngày 26/8/2016 giữa ông Lê Trọng H và ông Phạm Văn Đ – Chủ doanh nghiệp tư nhân T.

Trường hợp Công ty T có đơn yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Trọng H thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về chi phí định giá tài sản nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 167; Điều; Điều 332; Điều 439 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 165; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII qui định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên xe máy T về việc “kiện đòi tài sản” đối với ông Phạm Văn Đ - Chủ doanh nghiệp tư nhân T.

2. Về chi phí định giá tài sản: Công ty TNHH Một thành viên xe máy T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) Công ty TNHH Một thành viên xe máy T đã nộp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Một thành viên xe máy T phải nộp 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng), được khấu trừ 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003632 ngày 09 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo)
- VKSND thị xã Thuận An;
- THADS thị xã Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết